

**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ
THÔNG TRẦN PHÚ
TỔ NGỮ VĂN**

**KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 LỚP 11
MÔN NGỮ VĂN**

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. MỤC TIÊU KIỂM TRA

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

- Năng lực Đọc và Viết:

+ Năng lực Đọc: phạm vi tri thức đọc hiểu thuộc Bài 3 và Bài 4

+ Năng lực Viết: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội

- Hình thức kiểm tra

1. Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

2. Hình thức đề: Tự luận

3. Cấu trúc đề: 2 phần

Phần I: Đọc (6,0 điểm): Ngữ liệu là một đoạn trích/ văn bản ngoài sách giáo khoa. Gồm 6 câu hỏi tự luận được sắp xếp theo các mức độ (theo thể loại).

Phần II. Viết (4,0 điểm): Gồm một câu.

III. THIẾT LẬP MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

1. Khung ma trận đề kiểm tra giữa kì I - Lớp 11

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu	Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm	2 (20%)	3 (30%)	1 (10%)	60
		Văn nghị luận				
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	1* 10%	1* (10%)	1* (20%)	40
Tổng			30%	40%	30%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%	

* Lưu ý:

- Kỹ năng viết có 01 câu bao gồm cả 03 cấp độ.
- Những kỹ năng không có trong ma trận đề kiểm tra định kì (nói và nghe) sẽ được thực hiện ở các bài kiểm tra thường xuyên

2. Bảng đặc tả yêu cầu các kỹ năng kiểm tra, đánh giá đề kiểm tra

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	ĐỌC HIỂU	1. Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm - Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích/ tác phẩm. - Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh từ truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.	2	3	1	60

			- Đặc điểm ngôn ngữ nói, viết; tác dụng của việc phá vỡ quy tắc ngôn ngữ; phát hiện và sửa lỗi câu. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.				
		2. Văn bản nghị luận	Nhận biết: - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản. - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản. - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản. Thông hiểu: - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản. - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản. - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận. - Nêu tác dụng của biện pháp tu từ. - Đặc điểm ngôn ngữ nói, viết; tác dụng của việc phá vỡ quy tắc ngôn ngữ; phát hiện và sửa lỗi câu. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận. - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.				
2	VIẾT BÀI	Viết văn bản	Nhận biết:	1*	1*	1*	40

	VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI	nghị luận về một vấn đề xã hội.	- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.				
	Tỉ lệ %			30	40	30	100
	Tỉ lệ chung			70		30	100

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)
- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần viết viết bài văn nghị luận văn học.

ĐỀ MINH HỌA

I. ĐỌC- HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Các em thân mến!

[...]Thầy năm nay đã 79 tuổi, thầy cũng được “cấp sách đến trường” liên tục từ cấp 1, cấp 2, cấp 3 rồi đại học, sau đại học, nghiên cứu sinh và lấy bằng Tiến sĩ... Và bây giờ, khi nhìn lại cuộc đời đã qua của mình, thầy phải thừa

nhận rằng những điều mình đã được học ở trường thực sự ra không phải là toàn những “bảo bối” và cũng không phải những “cầm nang kỳ diệu” giúp cho thầy bước vào cuộc sống đời thường, một thực tế rất sôi động, đầy cơ hội và cạm bẫy..., trong cái đúng, cái sai, cái thiện, cái ác nhiều khi khó phân định được rõ ràng. Bởi vì hồi bấy giờ, nhà trường chỉ truyền thụ những kiến thức thuần túy sách vở, ít gắn liền với đời sống xã hội ngoài nhà trường.

Cũng còn may là ở cái thuở thiếu thời ấy, thầy không chỉ chúi đầu vào sách vở, mà do hoàn cảnh gia đình, thầy còn phải làm nhiều việc khác nhau, ngâm nghĩ những vấn đề khác nhau... Dẫu sao thầy vẫn ân hận và lấy làm tiếc cho cái thuở đến trường ấy đã không tranh thủ để học được nhiều hơn những bài học bổ ích không nằm trong chương trình và sách giáo khoa. Bởi vậy với tư cách là một thầy giáo nhiều tuổi nghề và nhiều tuổi đời, thầy muốn nhắn nhủ với các em rằng “Biển học là mênh mông, trong đó sách vở tuy quan trọng nhưng cũng chỉ là vùng biển gần bờ mà thôi”.

Nền giáo dục của chúng ta đang bắt đầu đổi mới theo xu hướng tiến bộ hơn, tích cực hơn, theo đó học sinh muốn thành đạt thì ngoài những kiến thức sách vở, họ còn phải thành thạo các kỹ năng xã hội, kỹ năng sống để phát triển toàn diện, họ cần phải được trang bị các giá trị chuẩn mực về tính cách, phẩm chất và những đạo đức tốt đẹp.

Trong những năm học vừa qua, rất nhiều em học sinh đã tham gia đội thanh niên tình nguyện để làm những công việc khác nhau, từ việc nhỏ đến việc lớn... Chẳng hạn, họ làm vệ sinh các phòng ốc, sơn mới các bức tường, sửa chữa nhà ăn... Qua đó, họ đã thu hoạch được những bài học quý giá cho mình: họ biết tìm hiểu công việc và hỗ trợ lẫn nhau, biết cải tiến kỹ năng lao động và biết sáng tạo trong lao động. Qua những công việc mang tính phục vụ cộng đồng như vậy, mỗi cá nhân cảm thấy gắn bó và hòa đồng với tập thể của mình hơn và thương yêu nhau hơn... Thầy nghĩ rằng những bài học như thế không có hoặc ít có trong các tiết học Toán, Lý, Tiếng Anh hay Sinh, Sử..

Bên cạnh những niềm vui, đôi lúc thầy vẫn thoáng gặp những hiện tượng đáng buồn. Đó là khi thầy trông thấy một em nào đó vô tư vứt rác không đúng chỗ, đó là khi trên mặt bàn mới toanh ai đó ngang nhiên viết, vẽ bậy, hoặc bôi bẩn bằng kẹo cao su... Những hành động, tuy hiếm hoi nhưng không thể nào chấp nhận được, phải nói thẳng đó là những hành động không tử tế. Là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường trước hết các em phải là những người tử tế, muốn vậy phải học tập, rèn luyện thường xuyên ngay trong thời gian cấp

sách tới trường.

Các em thân mến!

Rồi đây, khi rời mái trường Lương Thế Vinh thân yêu, các em sẽ bước vào đời bởi nhiều con đường khác nhau, do chính mình lựa chọn, hoặc do hoàn cảnh đưa đẩy. Thầy mong rằng những điều đã học - theo nghĩa rộng của từ này - sẽ giúp các em vững vàng hơn trong cuộc sống. Các em có thể trở thành những người lao động chân chính, những nhà kỹ thuật có chuyên môn giỏi, những người nghiên cứu thành công, những doanh nghiệp tầm cỡ, những nhà lãnh đạo xuất sắc, những chính khách uyên bác..., nhưng trước hết phải là những người tử tế, biết yêu thương và căm giận, vì nhân dân, vì Tổ quốc Việt Nam yêu quý của chúng ta. Đó là điều thầy mong chờ ở các em.

(Trích **Bài phát biểu của thầy Văn Như Cương** tại Lễ khai giảng trường THPT Lương Thế Vinh - Hà Nội, theo VNEXPRESS, ngày 06/09/2015)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (1.0 điểm) Trong đoạn trích, điều gì làm tác giả thấy tiếc khi còn ở tuổi đến trường?

Câu 2. (1.0 điểm) Trong đoạn trích nghị luận trên, người viết sử dụng một số yếu tố biểu đạt bổ trợ. Hãy gọi tên và chỉ ra sự có mặt của một yếu tố bổ trợ trong đoạn trích.

Câu 3. (1.0 điểm) Anh/chị hiểu thế nào về câu *Biển học là mệnh mông, trong đó sách vở tuy quan trọng nhưng cũng chỉ là vùng biển gần bờ mà thôi?*

Câu 4. (1.0 điểm) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu “*Các em có thể trở thành những người lao động chân chính, những nhà kỹ thuật có chuyên môn giỏi, những người nghiên cứu thành công, những doanh nghiệp tầm cỡ, những nhà lãnh đạo xuất sắc, những chính khách uyên bác..., nhưng trước hết phải là những người tử tế, biết yêu thương và căm giận, vì nhân dân, vì Tổ quốc Việt Nam yêu quý của chúng ta.*”

Câu 5. (1.0 điểm) Thông điệp sâu sắc nhất anh/chị rút ra từ đoạn trích trên là gì?

Câu 6. (1.0 điểm) Anh/chị có đồng tình với ý kiến “*Là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường trước hết các em phải là những người tử tế*” của tác giả không?
(Trả lời từ 5 – 7 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn (khoảng 500 chữ) thể hiện suy nghĩ của bản thân về sự cần thiết phải là một người tử tế.

.....*Hết*.....

**Học sinh không sử dụng tài liệu.
Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm.**